

Bản án số: 2061/2020/DS-ST.

Ngày: 22-12-2020.

V/v tranh chấp hợp đồng vay  
tài sản.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Thúy Vân.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Tài,
2. Bà Lâm Thị Hoàng Oanh.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Võ Hải An, là Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Hoàng Thị Ngọc, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 48/2020/TLST-DS ngày 09 tháng 01 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 601/2020/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 10 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 283/2020/QĐST-DS ngày 24 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Ông **N.X.B.**, sinh năm 1969,

Địa chỉ: 14 Đường số 4, Khu phố 2, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

*2. Bị đơn:* Ông **L.N.Đ.** (Vắng mặt),

Địa chỉ: 21 Sapphire 2, Sài Gòn Pearl, số 92, Nguyễn Hữu Cánh, Phường 22, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

### *\* Nguyên đơn ông N.X.B. diện trình bày:*

Ngày 03/01/2012, ông L.N.Đ. có vay ông số tiền 300.000.000 đồng và có giấy vay hạn trả trong năm 2017, việc trả làm nhiều lần cho đến ngày 31/12/2017 trả hết. Từ năm 2017 đến nay, ông có đến nhà ông L.N.Đ. và đến công ty ông L.N.Đ. đòi tiền nhiều lần và điện thoại, nhắn tin nhưng ông L.N.Đ. cứ hạn mà cố tình không trả tiền cho ông.

Do đó, ông khởi kiện đối với cá nhân ông L.N.Đ. trả nợ số tiền là 300.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh, không yêu cầu trách nhiệm liên đới như bản tự khai ngày 04/02/2020.

### *\* Bị đơn ông L.N.Đ. trình bày:*

Do nguyên đơn ông N.X.B. có Đơn đề nghị Tòa án không hòa giải đề ngày 22/09/2020, Tòa án đã tiến hành tổng đạt cho ông L.N.Đ. thông báo thụ lý vụ án cùng các triệu tập hợp lệ để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 27/10/2020, nhưng ông L.N.Đ. không tới làm việc và không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình. Vì vậy, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn ông L.N.Đ..

### *\* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh:*

Nguyên đơn ông N.X.B. khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với ông L.N.Đ., có địa chỉ tại quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh thụ lý, giải quyết đúng thẩm quyền. Từ khi thụ lý cho đến thời điểm xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký tòa án tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự đảm bảo cho các đương sự được nhận các văn bản tố tụng để thực hiện quyền và nghĩa vụ theo Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn ông N.X.B. và bị đơn ông L.N.Đ. phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

**[1] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án:**

Xét nguyên đơn ông N.X.B. khởi kiện yêu cầu trả số tiền vay còn thiếu đối với ông L.N.Đ., cư trú tại 21 Sapphire 2, Saigon Pearl, số 92 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường 22, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh từ tháng 05/2014 cho đến nay theo kết quả trả lời xác minh của Công an Phường 22, quận Bình Thạnh, nên căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đây là tranh chấp dân sự liên quan đến giao dịch dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

**[2] Về thủ tục tố tụng:**

Bị đơn ông L.N.Đ. đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa. Xét ông L.N.Đ. vắng mặt tại phiên tòa được Tòa án triệu tập lần thứ hai mà không có lý do nên căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông L.N.Đ..

Tại đơn khởi kiện, biên bản làm việc ngày 22/9/2020, biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 27/10/2020, nguyên đơn ông N.X.B. xác định khởi kiện đối với cá nhân ông L.N.Đ., không yêu cầu trách nhiệm liên đới như bản tự khai ngày 04/02/2020, nên căn cứ khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án không triệu tập người hôn phối với ông L.N.Đ. vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Theo Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 216/2020/UBND-XNTTHN ngày 16/3/2020, ông N.X.B. chưa đăng ký kết hôn với ai sau khi ly hôn theo Quyết định số 190/2010/QĐST-HNGĐ ngày 20/9/2010 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang nên căn cứ khoản 4 Điều 64 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định không có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan của bên nguyên đơn.

**[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/01/2019, ông N.X.B. khởi kiện ông L.N.Đ. yêu cầu trả số tiền vay còn thiếu là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) và tiền lãi theo mức lãi suất 1%/tháng của số tiền vay còn thiếu tính từ ngày 01/01/2018 cho đến khi thanh toán xong. Tại phiên tòa, nguyên đơn ông N.X.B. xác định khởi kiện ông L.N.Đ. yêu cầu trả ngay số tiền vay còn thiếu là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 01/01/2018 cho đến khi thanh toán xong với mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố (Tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất cơ bản là 9% nên tiền lãi là 80.334.000 đồng). Xét tại phiên tòa, việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của ông N.X.B. đối với ông L.N.Đ. liên quan đến tiền lãi do áp dụng mức lãi suất thấp hơn so với mức lãi suất yêu cầu tại đơn khởi kiện là không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên Hội

đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi này và tiếp tục xem xét giải quyết yêu cầu của nguyên đơn ông N.X.B..

Tại phiên tòa, ông N.X.B. thừa nhận việc cho vay mượn được thực hiện từ 03/01/2012 – là ngày ông L.N.Đ. nhận tiền vay – mà hai bên không lập giấy tờ vay mượn, và đến năm 2017, ông L.N.Đ. có lập giấy vay đề ngày 03/01/2012. Xét tại giấy vay đề ngày 03/01/2012, ông L.N.Đ. (CMND số 111655093) thừa nhận *có vay của ông N.X.B. số tiền là 300.000.000 đồng. Hẹn trong năm 2017 có trách nhiệm trả hết cho ông N.X.B. số tiền trên (31/12/2017)*, nên căn cứ Điều 471 Bộ luật Dân sự 33/2005/QH11 (tương ứng Điều 463 Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015), xác định có tồn tại giao dịch vay tiền không lãi suất giữa ông L.N.Đ.- người vay và ông N.X.B.-người cho vay. Xét thấy chủ thể, nội dung và hình thức của giao dịch này phù hợp với Điều 122, Điều 471 Bộ luật Dân sự 33/2005/QH11 nên ông N.X.B., ông L.N.Đ. có trách nhiệm thực hiện đúng theo những thỏa thuận đã giao kết.

Theo thỏa thuận ngày 03/01/2012, ông L.N.Đ. có trách nhiệm trả số tiền vay 300.000.000 đồng cho ông N.X.B. hạn chót là ngày 31/12/2017. Tuy nhiên, theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, ông L.N.Đ. đến nay đã không trả bất cứ khoản tiền vay nào cho ông N.X.B. nên căn cứ Điều 474, Điều 478 Bộ luật Dân sự năm 2005 (tương ứng với Điều 466, Điều 470 Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13) và thỏa thuận hợp đồng, bên vay ông L.N.Đ. đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với bên cho vay ông N.X.B.. Do đó, ông N.X.B. có quyền yêu cầu ông L.N.Đ. trả số tiền vay còn thiếu và tiền lãi trên số tiền vay còn thiếu với mức lãi suất theo quy định tương ứng với thời gian chậm trả.

Do hợp đồng vay tiền giữa ông N.X.B. và ông L.N.Đ. được thiết lập trước ngày 01/01/2017, căn cứ Điều 688 Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13, khoản 2 Điều 476 Bộ luật Dân sự 33/2005/QH11, và Điều 4, Điều 6 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử xét thấy khởi kiện của ông N.X.B. yêu cầu ông L.N.Đ. trả số tiền vay còn thiếu 300.000.000 đồng và tiền lãi trên số tiền còn thiếu từ ngày tiếp theo liên kế của ngày hết hạn vay là ngày 01/01/2018 cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm trả nợ là có cơ sở.

Theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, lãi suất cơ bản được công bố là 9%/năm. Thời gian chậm trả gốc từ ngày 01/01/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm 22/12/2020 là 1.086 ngày, nên tiền lãi mà ông L.N.Đ. phải trả cho số tiền gốc còn thiếu 300.000.000 là 80.334.000 đồng (Tám mươi triệu ba trăm ba mươi bốn ngàn đồng).

Vậy tổng số tiền mà ông L.N.Đ. phải trả cho ông N.X.B. cho đến ngày xét xử sơ thẩm là: 300.000.000 đồng + 80.334.000 đồng = 380.334.000 đồng (Ba trăm tám mươi triệu ba trăm ba mươi bốn ngàn đồng).

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở để chấp nhận toàn bộ khởi kiện của nguyên đơn ông N.X.B. yêu cầu bị đơn ông L.N.Đ. trả ngay số tiền vay còn thiếu theo thỏa thuận mượn tiền ngày 03/01/2012 là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng), tiền lãi từ ngày 01/01/2018 đến ngày 22/12/2020 là 80.334.000 đồng (Tám mươi triệu ba trăm ba mươi bốn ngàn đồng), và tiền lãi tiếp tục phát sinh trên số tiền gốc còn thiếu theo quy định của pháp luật kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong.

**[4] Về án phí sơ thẩm:**

Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, bị đơn ông L.N.Đ. phải chịu án phí sơ thẩm là 19.016.700 đồng (Mười chín triệu mười sáu ngàn bảy trăm đồng).

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 63, Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 122, Điều 467, Điều 470, Điều 471 và khoản 2 Điều 476 Bộ luật Dân sự 33/2005/QH11; Điều 468 và Điều 688 Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015; Điều 4 và Điều 6 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông N.X.B..

1.1. Ông L.N.Đ. có trách nhiệm trả cho ông N.X.B. làm một lần số tiền vay còn thiếu theo thỏa thuận mượn tiền ngày 03/01/2012 là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng), tiền lãi từ ngày 01/01/2018 đến ngày 22/12/2020 là 80.334.000 đồng (Tám mươi triệu ba trăm ba mươi bốn ngàn đồng).

1.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi phát sinh trên số tiền gốc còn thiếu theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

## 2. Về án phí sơ thẩm:

2.1. Án phí sơ thẩm giải quyết tranh chấp về dân sự ông L.N.Đ. phải chịu là 19.016.700 đồng (Mười chín triệu mười sáu ngàn bảy trăm đồng).

2.2. Hoàn cho ông N.X.B. số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 8.400.000 đồng (Tám triệu bốn trăm ngàn đồng) theo Biên lai số 0007191 ngày 06/03/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

## 3. Về quyền yêu cầu thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

## 4. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

### *Nơi nhận:*

- TAND TPHCM;
- VKSND Q.Bình Thạnh;
- Chi cục THADS Q.Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

**Vũ Thị Thúy Vân**